

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Quy định về việc công bố công khai báo cáo tài chính
đối với Ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo
Quyết định số 1407/2004/QĐ-NHNN ngày 01/11/2004
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Kế toán năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Quy định về việc công bố công khai báo cáo tài chính đối với Ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 1407/2004/QĐ-NHNN ngày 01/11/2004 như sau:

Thay thế Biểu mẫu số 1 và Biểu mẫu số 2 kèm theo Quy định bằng Biểu mẫu số 1 và Biểu mẫu số 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có Ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng thương mại cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đặng Thanh Bình

Tên đơn vị....

Biểu mẫu số 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ

..... ngày.... tháng.... năm....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Sử dụng vốn		
I- Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý		
II- Tiền gửi tại NHNN		
III- Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác		
IV- Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài		
V- Cho vay các TCTD khác		
1- Cho vay các TCTD khác		
2- Dự phòng rủi ro:		
- Dự phòng chung		
- Dự phòng cụ thể		
VI- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
1- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
2- Dự phòng rủi ro:		
- Dự phòng chung		
- Dự phòng cụ thể		
VII- Các khoản đầu tư		
1- Đầu tư vào chứng khoán:		
- Đầu tư vào chứng khoán		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán		
2- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		
VIII- Tài sản		
1- Tài sản cố định		
- Nguyên giá TSCĐ		
- Hao mòn TSCĐ		
2- Tài sản khác		

<p>IX- Tài sản “Có” khác</p> <p>1- Các khoản phải thu</p> <p>2- Các khoản lãi cộng dồn dự thu</p> <p>3- Tài sản “Có” khác</p> <p>4- Các khoản dự phòng rủi ro khác</p>		
<p>Tổng cộng tài sản</p>		
<p>Nguồn vốn</p> <p>I- Tiền gửi của KBNN và TCTD khác</p> <p>1- Tiền gửi của KBNN</p> <p>2- Tiền gửi của TCTD khác</p> <p>II- Vay NHNN, TCTD khác</p> <p>1- Vay NHNN</p> <p>2- Vay TCTD trong nước</p> <p>3- Vay TCTD ở nước ngoài</p> <p>4- Nhận vốn cho vay đồng tài trợ</p> <p>III- Tiền gửi của TCKT, dân cư</p> <p>IV- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro</p> <p>V- Phát hành giấy tờ có giá</p> <p>VI- Tài sản “Nợ” khác:</p> <p>1- Các khoản phải trả</p> <p>2- Các khoản lãi cộng dồn dự trả</p> <p>3- Tài sản “Nợ” khác</p> <p>VII- Vốn và các quỹ</p> <p>1- Vốn của TCTD</p> <p>- Vốn điều lệ</p> <p>- Vốn đầu tư XD CB</p> <p>- Vốn khác</p> <p>2- Quỹ của TCTD</p> <p>3- Lãi/lỗ</p>		
<p>Tổng cộng nguồn vốn</p>		

Lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lấy số liệu:

Cách lấy số liệu các chỉ tiêu được thực hiện theo quy định tại Biểu số F02/TCTD và Biểu số F03/TCTD đính kèm Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, ban hành kèm theo Quyết định 1145/2002/QĐ-NHNN ngày 18/10/2002 của Thống đốc NHNN.

- Đối với các chỉ tiêu về dự phòng rủi ro thực hiện theo Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng, ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN.

- Đối với chỉ tiêu “Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý”: lấy Dư nợ các TK 101, TK 103, TK 104, TK 105.

- Đối với chỉ tiêu “Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác”: lấy Dư nợ các TK 121, TK 122, TK 123.

- Đối với chỉ tiêu “Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro”: lấy Dư có các TK 441, TK 442.

- Đối với chỉ tiêu “Nghịệp vụ ủy thác đại lý”: Lấy Số còn lại của các TK 981, TK 982, TK 989.

Tên đơn vị.....

Biểu mẫu số 2

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM
VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

..... Ngày.... tháng..... năm.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Sử dụng vốn		
I- Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý		
II- Tiền gửi tại NHNN		
III- Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác		
IV- Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài		
V- Cho vay các TCTD khác		
1- Cho vay các TCTD khác		
2- Dự phòng rủi ro:		
- Dự phòng chung		
- Dự phòng cụ thể		
VI- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
1- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước		
2- Dự phòng rủi ro:		
- Dự phòng chung		
- Dự phòng cụ thể		
VII- Các khoản đầu tư		
1- Đầu tư vào chứng khoán:		
- Đầu tư vào chứng khoán		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán		
2- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		
VIII- Tài sản		
1- Tài sản cố định		
- Nguyên giá TSCĐ		
- Hao mòn TSCĐ		

2- Tài sản khác		
IX- Tài sản “Có” khác		
1- Các khoản phải thu		
2- Các khoản lãi cộng dồn dự thu		
3- Tài sản “Có” khác		
4- Các khoản dự phòng rủi ro khác		
Tổng cộng tài sản		
Nguồn vốn		
I- Tiền gửi của KBNN và TCTD khác		
1- Tiền gửi của KBNN		
2- Tiền gửi của TCTD khác		
II- Vay NHNN, TCTD khác		
1- Vay NHNN		
2- Vay TCTD trong nước		
3- Vay TCTD ở nước ngoài		
4- Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		
III- Tiền gửi của TCKT, dân cư		
IV- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro		
V- Phát hành giấy tờ có giá		
VI- Tài sản “Nợ” khác:		
1- Các khoản phải trả		
2- Các khoản lãi cộng dồn dự trả		
3- Tài sản “Nợ” khác		
VII- Vốn và các quỹ		
1- Vốn của TCTD		
- Vốn điều lệ		
- Vốn đầu tư XDCH		
- Vốn khác		
2- Quỹ của TCTD		
3- Lãi/lỗ		
Tổng cộng nguồn vốn		

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- | | | |
|--|--|--|
| I- Cam kết bảo lãnh cho khách hàng
II- Các cam kết giao dịch hối đoái
III- Cam kết tài trợ cho khách hàng
IV- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý
V- Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang quản lý tại công ty
VI- Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang giao cho khách hàng thuê | | |
|--|--|--|

KẾT QUẢ KINH DOANH

- | | | |
|---|--|--|
| I- Tổng thu nhập
II- Tổng chi phí
III- Lợi nhuận trước thuế
IV- Lợi nhuận sau thuế
V- Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật
1- Trích lập các quỹ:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ
- Quỹ dự phòng tài chính
- Các quỹ khác
2- Sử dụng các quỹ
VI- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (%)
VII- Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Ngân hàng. | | |
|---|--|--|

Lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lấy số liệu:

Cách lấy số liệu các chỉ tiêu được thực hiện theo quy định tại Biểu số F02/TCTD và Biểu số F03/TCTD đính kèm Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, ban hành kèm theo Quyết định 1145/2002/QĐ-NHNN ngày 18/10/2002 của Thống đốc NHNN.

- Đối với các chỉ tiêu về dự phòng rủi ro thực hiện theo Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng, ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN.

- Đối với chỉ tiêu “Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý”: lấy Dư nợ các TK 101, TK 103, TK 104, TK 105.

- Đối với chỉ tiêu “Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác”: lấy Dư nợ các TK 121, TK 122, TK 123.

- Đối với chỉ tiêu “Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro”: lấy Dư có các TK 441, TK 442.

- Đối với chỉ tiêu “Nghịệp vụ ủy thác đại lý”: Lấy Số còn lại của các TK 981, TK 982, TK 989.